

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/7/2021.

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Từ Quốc Thái Bình**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Quang**

2. Ông **Đỗ Vũ Ngọc Nam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đào Thị Yên Nhi** - Thư ký Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 71/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, về: “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 30/6/2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Mỹ C**, sinh năm: 1977. Địa chỉ: Khu phố 4, phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh **Huỳnh Kim B**, sinh năm: 1972. Địa chỉ: Khu phố 1, phường A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2021 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, nguyên đơn chị Lê Thị Mỹ C trình bày:

Chị và anh Huỳnh Kim B là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Hàm Tân (cũ), nay là UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 22, ngày 15/5/2003. Sau khi cưới, vợ chồng chị dọn về nhà cha mẹ ruột của chị ở phường Phước Hội sinh sống. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B đam mê cờ bạc gây ra nợ nần, chị khuyên nhủ thì anh B chửi bới, xúc phạm, đập phá đồ đạc trong nhà, dần dần vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề, bản thân chị và gia đình cũng đã nhiều lần khuyên nhủ anh B từ bỏ cờ bạc nhưng không có kết quả, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau, anh B bỏ về sống tại nhà ba mẹ của anh B ở phường A. Ngoài ra, do giữa chị và anh B không có con cái, không có mối quan

hệ ràng buộc nhau, dần dần vợ chồng không còn chia sẻ buồn vui trong cuộc sống nữa. Từ năm 2011 đến nay, giữa chị và anh B đã sống ly thân, chị vẫn sinh sống tại nhà cha mẹ ruột, còn anh B bỏ về nhà cha mẹ của anh B sống, vợ chồng mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai trong một thời gian dài. Hiện anh B cũng đã có người phụ nữ khác và giữa họ cũng đã có con với nhau. Nay, tình cảm của chị đối với anh B đã hết, đời sống vợ chồng không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Kim B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Bị đơn anh Huỳnh Kim B:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đối với anh B, nhưng anh B không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa.

Tại phiên tòa, anh B vẫn vắng mặt không có lý do.

Qua xác minh tại địa phương và người thân của anh B thì mâu thuẫn của anh chị là có thật. Nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân đúng như chị C đã trình bày, khó có khả năng hòa giải, hàn gắn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chị Lê Thị Mỹ C được ly hôn anh Huỳnh Kim B.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Mỹ C khởi kiện anh Huỳnh Kim B về việc “Tranh chấp ly hôn”. Bị đơn anh B có nơi cư trú tại khu phố 1, phường A, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1

Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Bị đơn anh Huỳnh Kim B đã được Toà án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, chị Lê Thị Mỹ C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Huỳnh Kim B. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Huỳnh Kim B không có mặt để giải quyết vụ án này, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần. Việc vắng mặt này của anh Huỳnh Kim B được coi là từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử xem xét các chứng cứ nguyên đơn cung cấp, tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa chị C và anh B tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện Hàm Tân (cũ), nay là UBND phường P, thị xã L, tỉnh Bình Thuận, theo giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 22, ngày 15/5/2003, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, bất đồng ý kiến về nhiều vấn đề, dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi nhau. Ngoài ra, anh B còn đam mê cờ bạc gây ra nợ nần, chị khuyên nhủ thì anh B chửi bới, xúc phạm chị, rồi đập phá đồ đạc trong nhà. Tại phiên tòa, chị C cho rằng đã nhiều lần khuyên nhủ và cho anh B cơ hội để sửa đổi nhưng anh B vẫn tính nết tặc nết, không chịu thay đổi. Hiện nay tình cảm của chị đối với anh B không còn, giữa chị và anh B đã không còn sống chung với nhau từ năm 2011 đến nay. Hơn nữa, trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh B không chấp hành, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi đến Tòa. Điều này chứng tỏ anh B không có thiện chí giữ gìn quan hệ hôn nhân và giữa anh chị cũng không có giải pháp cụ thể nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét, cuộc hôn nhân của anh B và chị C đã không còn hạnh phúc, mâu thuẫn giữa anh chị đã thật sự trầm trọng, cuộc sống vợ chồng đã không còn tồn tại trên thực tế, vợ chồng đã sống ly thân, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về ly hôn của nguyên đơn, chị C được ly hôn anh B, là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị C không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Chị Lê Thị Mỹ C được ly hôn anh Huỳnh Kim B.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Lê Thị Mỹ C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng chị C được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai số 0004522, ngày 19/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị Lê Thị Mỹ C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- THADS thị xã L;
- Đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn: UBND phường P, thị xã L;
- Lưu hồ sơ; Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Từ Quốc Thái Bình

